

Phụ lục V
DANH MỤC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT (NHÓM 3) KHAI THÁC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2024/NĐ-CP
(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn		
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác	
	126	Nhóm 3: Xứ lý theo Nghị định 108/2024/NĐ-CP	266.814,87	87.195,47	1.099.902.583.713	813.153.808.669	330.267.582.370	948.547.527.418							
1	40	PHƯỜNG LONG XUYỀN (40 CS)													
1	1	Trụ sở Bảo hiểm xã hội (cũ)	11 Lê Triệu Kiệt, phường Long Xuyên, An Giang	959,00	392,10	30.373.173.105	26.395.200.000	3.977.973.105	28.959.639.197	DTXD 392,05 m ² ; 04 tầng; DTS 1485,55 m ²	Không có cửa đi, cửa sổ, tay vịn cầu thang, lan can cầu thang, toàn bộ dây điện, đèn, phụ kiện Motour cửa cuốn, remode, một phần trần thạch cao bị tháo dỡ; Đã lấy ý kiến tại Công văn số 112/TTP/QĐ-QLPTQĐ ngày 03/9/2025.	Giấy chứng nhận QSDĐ số Q098288, bản đồ giao đất tỷ lệ 1/500 ngày 10/4/2000	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
2	2	Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ đường thủy nội địa, Chi cục Thủy sản và Trung tâm Giống	Số 1053 Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên	1.421,00	2.352,84	40.882.043.502	36.259.200.000	4.622.843.502	36.709.623.717	Nhà làm việc của Thanh tra Sở GTVT, Cảng vụ đường thủy nội địa, Chi cục Thủy sản và Trung tâm Giống, DTXD 466,4 m ² , DTS 1.399,2 m ² , 03 tầng	Hiện trạng nhà còn tài sản, thống nhất sẽ bàn giao chìa khóa sau khi đi đời hết tài sản, còn sử dụng tốt nhưng còn hệ thống thiết yếu vận hành toàn nhà (như điện, chiếu sáng,) đã cắt nước. Tầng 3 có dấu hiệu dột khi mưa.	Không có	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
3	3	Văn phòng Sở Nội vụ (cũ)	Số 05 Lê Quý Đôn, phường Long Xuyên	325,80	611,64	4.326.104.000	3.557.736.000	768.368.000	3.557.736.000	DTXD 180 m ² ; 03 tầng; DTS 611,64	Cơ sở nhà, đất không có tài sản ngoài công trình, công trình xuống cấp, hư hỏng, đóng cửa lâu ngày đang tạm thời sử dụng làm kho. Cơ sở nhà, đất này muốn sử dụng phải đầu tư cải tạo, sửa chữa	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT25080, bản trích đo địa chính ngày 23/2/2022	ODT	ODT	Đất ở
4	4	Ban Tôn giáo và Ban Thi đua Khen thưởng (cũ)	Số 16 Lê Hồng Phong - Số 01 Lê Quý Đôn, phường Long Xuyên	364,90	549,00	11.329.600.000	8.757.600.000	2.572.000.000	9.442.523.600	Trụ sở làm việc, DTXD 274,5 m ² , DTS 549 m ² (02 tầng)	Cơ sở nhà, đất không có tài sản ngoài công trình, công trình xuống cấp, hư hỏng, đóng cửa lâu ngày đang tạm thời sử dụng làm kho. Cơ sở nhà, đất này muốn sử dụng phải đầu tư cải tạo, sửa chữa	Giấy chứng nhận QSDĐ số CT18563	ODT	ODT	Đất ở
5	5	Trụ sở làm việc (Sở Nội vụ tỉnh An Giang cũ tại Long Xuyên)	Số 89 Trần Quang Diệu, phường Long Xuyên	1.756,80	2.723,00	26.754.972.368	6.324.480.000	20.430.492.368	24.123.448.070	Sở Nội vụ (Trụ sở làm việc bao gồm Sở Nội vụ và Ban Thi đua Khen thưởng và Ban Tôn giáo), DTXD 667 m ² , DTS 2.723 m ² (04 tầng)	Cơ sở nhà, đất còn nguyên trạng, sử dụng ổn định, hệ thống thiết yếu (điện, nước, chiếu sáng) đảm bảo vận hành tòa nhà.	Giấy chứng nhận QSDĐ số CP030154, Bản trích đo địa chính ngày 21/12/2015	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
6	6	Trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh	số 01, đường số 12, phường Long Xuyên	1.051,00	1.628,67	28.211.380.000	13.396.190.000	14.815.190.000	26.256.532.400	- Sân đơn: 564,5m ² - Via hè (ngoài ranh): 256,2 m ² - Công hàng rào: 91,52 m x 0,2 m = 18,3 m ² - Khối nhà chính: DTXD 449 m ² , DTS 1.628,67 m ² (03 tầng + tầng mái) - Bể nước dự phòng: 11,7 m ² - Nhà bảo vệ: 7,5 m ²	có tài sản ngoài công trình và cũng còn còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, phòng họp bị mối một làm hư phần vách giá gỗ. Có 1 phòng bị hư 02 đèn và 01 đèn hành lang bị hư		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
7	7	Văn phòng Sở Công thương	Số 10 Lê Triệu Kiệt, phường Long Xuyên	984,80	1.919,60	30.802.383.680	17.175.552.000	13.626.831.680	30.257.310.413	Trụ sở làm việc 03 tầng	có tài sản ngoài công trình và cũng còn còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, nghiêng, nứt tường có nguy cơ sụp lún.		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
8	8	Sở Kế hoạch và Đầu tư (trước sáp nhập)	Số 03 Lê Triệu Kiệt, phường Long Xuyên	2.519,00	4.858,00	73.621.600.000	45.295.416.000	28.326.184.000	56.850.353.400	- Nhà xe: 89,6 m ² - Nhà bảo vệ: 7,1 m ² - Công, hàng rào: 17,1 m ² - Sân lát gạch vỉa hè: 455 m ² -Trụ sở làm việc 04 tầng	có tài sản ngoài công trình và cũng còn còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, vẫn sử dụng tốt		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn		
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác	
9	9	Sở Tài chính (trước sáp nhập)	số 5/10 Lê Quý Đôn, phường Long Xuyên	2.674,28	34.775.041.293	28.664.928.000	6.110.113.293	28.664.928.000	- Nhà xe ô tô 55 m ² - Nhà xe 02 bánh: 95,6 m ² - Nhà chứa máy phát điện (4,5mx3m): 13,5m ² - Cổng, hàng rào (157,16m x 0,2m): 31,4 m ² - Sân lát gạch: 539,24 m ² - Nhà làm việc 04 tầng DTXD 672,02 m ² ; DTSSD 2.294 m ² . - Nhà kho 02 tầng DTXD 180,54 m ² ; DTSSD 380,28 m ²	có tài sản ngoài công trình và cũng còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, vẫn sử dụng tốt		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
10	10	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	Số 12, Lê Triệu Kiệt, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên (cũ)	1.824,00	65.680.539.000	62.636.544.000	3.043.995.000	62.912.379.295	- Nhà bảo vệ: 8 m ² - Khu Hành chính: DTXD 581 m ² , DTS 1.745 m ² - Nhà kho: 71 m ²	có tài sản ngoài công trình và cũng còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, vẫn sử dụng tốt		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
11	11	Nhà làm việc cấp III Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (năm sử dụng 2001)	Số 14 Lê Triệu Kiệt, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên (cũ)	1.093,00	1.576,18	20.928.140.027	17.217.000.000	3.711.140.027	17.659.772.659	- Nhà làm việc: DTXD 395,01 m ² , DTS 1.524,18 m ² (03 tầng) - Phòng làm việc: 21 m ² - Nhà xe: 31 m ²	Không có tài sản ngoài công trình và cũng còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng), công trình xuống cấp, trần trên cùng bị ẩm mốc, la phong bị rớt xuống, trần thạch cao bị bong tróc, cầu thang tầng trệt bị nứt, phản tường tại chỗ nổi 02 công trình bị nứt,		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
12	12	Nhà làm việc cấp III khối mở rộng Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (năm sử dụng 2016, số tầng: 03 tầng)		810,00	0	0	0	0	0	- Khối nhà làm việc mở rộng: DTXD 158 m ² , DTS 810 m ² .					
13	13	Văn phòng Sở Dân tộc và Tôn giáo	Số 87, Trần Quang Diệu, phường Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên (cũ)	1.118,72	13.505.036.260	4.129.315.200	9.375.721.060	11.254.863.210	- Cổng hàng rào: (79 m x 0,2 m) = 15,8 m ² - Nhà bảo vệ (3 m x 3 m): 9 m ² - Nhà xe: 56,52 m ² - Diện tích sân, đường nội bộ lát dale: 243 m ² 01 ngôi nhà 03 tầng (DTXD: 349,02 m ² ; DTS: 1.118,72 m ²)	có tài sản ngoài công trình và cũng còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, vẫn sử dụng tốt		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
14	14	Trụ sở Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Số 02, đường số 20, phường Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên (cũ)	1.358,00	11.403.234.834	2.045.260.800	9.357.974.034	10.158.580.353	- Nhà xe ô tô: 38,4 m ² - Nhà xe khách: 36 m ² - Nhà bảo vệ: 7,5 m ² Ngôi nhà 03 tầng (DTXD: 469 m ² ; DTS: 1.358 m ²)	có tài sản ngoài công trình và cũng còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình vẫn sử dụng tốt		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
15	15	Văn phòng Sở Y tế An Giang	Số 15 Lê Triệu Kiệt, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên (cũ)	1.256,00	21.486.395.000	18.370.800.000	3.115.595.000	18.620.047.600	- Hàng rào: 13,4 m ² - Sân: 541,97 m ² - Cột cờ: 2,74 m ² - Nhà xe ô tô: 72,62 m ² - Nhà xe mô tô: 69,6 m ² - Diện tích sân sử dụng: 418,67 m ² - Diện tích xây dựng: 1.256 m ²	có tài sản ngoài công trình và cũng còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, vẫn sử dụng tốt		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
16	16	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Số 13 Lê Triệu Kiệt, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên (cũ)	670,50	12.902.345.000	10.503.000.000	2.399.345.000	12.188.662.500	- Nhà xe công nhân viên 1: 36,48 m ² - Nhà xe công nhân viên 2: 37,40 m ² - Hàng rào: 20,84 m ² - Cột cờ: 2,70 m ² - Nhà xe ô tô: 60,32 m ² - Nhà kho: 24,00 m ² - Nhà bếp: 21,60 m ² - Sân đường nội bộ: 213,86 m ² - Diện tích sân sử dụng: 670,5 m ² - Diện tích xây dựng: 223,5 m ²	có tài sản ngoài công trình và cũng còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, vẫn sử dụng tốt		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn		
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác	
17	17	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước và Phòng Công chứng số 1	Số 8/18 đường Lý Thường Kiệt, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang		826,78	4.510.091.000	3.425.400.000	1.084.691.000	3.425.400.000	Nhà làm việc 03 tầng	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, hư hỏng nặng.	ODT	ODT	Đất ở	
18	18	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học Công nghệ	Số 17 Lê Lai, phường Mỹ Bình, TP.Long Xuyên	192,90	441,70	6.491.889.000	5.432.064.000	1.059.825.000	6.089.155.500		có hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như chiếu sáng, đường nước); cơ sở xuống cấp, hỏng hóc tường, nứt vách tường rào, còn sử dụng tốt, còn tài sản của đơn vị, dự kiến di dời trước năm 31/12/2025.	ODT	ODT	Đất ở	
19	19	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học Công nghệ	Số 36 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, TP.Long Xuyên	281,90	750,40	6.600.314.520	5.432.064.000	1.168.250.520	6.278.975.120	Trung tâm ứng dụng TBKHCN (03 tầng)	có hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như chiếu sáng, đường nước); cơ sở xuống cấp, hỏng hóc tường, nứt vách tường rào, còn sử dụng tốt, còn tài sản của đơn vị, dự kiến di dời trước năm 31/12/2025.	ODT	ODT	Đất ở	
20	20	Trung tâm Tin học	Số 82 Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP.Long Xuyên	318,90	685,64	28.320.493.728	24.545.894.400	3.774.599.328	27.245.685.557	- Nhà làm việc, DTXD 73,24m2, DTS 413,56m2 (04 tầng) - Nhà làm việc, DTXD 136,04m2, DTS 272,08m2 (02 tầng)	Có hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như chiếu sáng, đường nước); cơ sở xuống cấp, hỏng hóc tường, nứt vách tường rào, còn sử dụng tốt, còn tài sản của đơn vị, dự kiến di dời trước năm 31/12/2025.	ODT	ODT	Đất ở	
21	21	Trụ sở làm việc của Sở Nông nghiệp và PTNT	07 Lê Triệu Kiệt	1.045,70	2.449,70	50.766.988.000	36.638.976.000	14.128.012.000	47.269.364.950	Nhà làm việc 03 tầng	Cơ sở còn tài sản, nguyên trạng, sử dụng tốt	ODT	ODT	Đất ở	
22	22	Cơ sở nhà, đất của BHXH cơ sở Long Xuyên thuộc BHXH tỉnh An Giang	Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ số 21 Châu Văn Liêm, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang)	398,00	922,85	14.814.669.187	7.164.000.000	7.650.669.187	11.409.237.364	- Nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ (cổng, hàng rào, sân, đường; nhà để xe cán bộ, khách) - Đường dây và trạm biến áp	- Nhà và các hạng mục phụ trợ: Công trình đã di dời toàn bộ tài sản, hiện trạng còn lại nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ gồm: nhà để xe cán bộ, khách; cổng hàng rào, sân, đường. Trong đó, nhà làm việc đã xuống cấp, hư hỏng và có dấu hiệu lún gầy ra xé tường và bong gạch nền ở một số vị trí, cần phải sửa chữa, cải tạo mới đưa ra khai thác được; Một số phòng làm việc không còn chia khóa; Hệ thống điện, nước còn hoạt động, không có hệ thống phòng cháy chữa cháy (chỉ có các bình chữa cháy). - Công trình khác gắn liền với đất: Đường dây, trạm biến áp còn nguyên trạng theo thiết kế, không kiểm tra được khả năng vận hành do cơ sở đã ngừng hoạt động.	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00728/QSDD/Aa do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 08/02/1999 (bản gốc). - Quyết định số 1121/QĐ-BHXH ngày 26/11/2011 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật trụ sở Bảo hiểm xã hội thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (bản photo). - Quyết định số 1253/QĐ-BHXH ngày 31/08/2016 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình trụ sở Bảo hiểm xã hội thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (bản photo). - Văn bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 1944/VBXDGT-BHXH ngày 27/09/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang (bản photo). - Bản vẽ hoàn công.			
23	23	Nhà, đất Trụ sở Cục QLTT (cũ)	Số 32 Bis Thoại Ngọc Hầu, phường Long Xuyên	304,50	915,00	22.823.691.000	16.071.510.000	6.752.181.000	18.502.295.160	DTXD 295,5 m ² ; 05 tầng; DTS 915 m ²	Hiện trạng nhà trống, còn sử dụng tốt nhưng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toàn nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh)	Giấy chứng nhận QSDĐ số AM890647 Bản đồ giao đất, cho thuê đất ngày 06/8/2008	ODT	ODT	Đất ở
24	24	Trung tâm Khuyến công	Số 35 Nguyễn Văn Cung, phường Long Xuyên	94,80	392,40	2.702.663.000	2.370.000.000	332.663.000	2.454.600.000	DTXD 94,8 m ² ; 04 tầng; DTS 392,4m ²	Hiện trạng nhà trống, còn sử dụng tốt nhưng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toàn nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh)	Giấy chứng nhận Quyền quản lý sử dụng nhà, đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các quan hành chính sự nghiệp số T16009/005, Hồ sơ kỹ thuật khu đất lập ngày 30/9/2008	ODT	ODT	Đất ở

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn		
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác	
25	25	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh (cũ)	Số 45 Nguyễn Văn Cung, phường Long Xuyên	117,00	478,00	4.964.520.000	4.563.000.000	401.520.000	4.563.000.000	DTXD 117 m ² ; 04 tầng; DTS 478 m ²	Không có tài sản ngoài công trình và vẫn còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), sử dụng được.	Không có	ODT	ODT	Đất ở
26	26	Trung tâm dịch vụ việc làm trực thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Số 06 Lê Lợi, phường Long Xuyên	337,30	522,68	5.135.628.000	4.565.000.000	570.628.000	4.565.000.000	- Khối nhà làm việc: DTXD 185,38 m ² , DTSSD 370,76 m ² (02 tầng)	Hiện trạng: nhà đã lâu không sử dụng, đã cũ, xuống cấp nghiêm trọng, ảnh hưởng đến chất lượng sử dụng. Tầng 2 bị nước mưa dột, vẫn còn điện nước	Giấy chứng nhận QSSD số V436996 và AD481876	ODT	ODT	Đất ở
27	27	Trụ sở Chi cục Thuế thành phố Long Xuyên.	Số 49, 51, 53 Nguyễn Văn Cung, phường Long Xuyên	346,10	1.024,92	11.966.770.000	11.248.250.000	718.520.000	11.708.102.800	DTXD 341,64 m ² ; 03 tầng; DTS 1.024,92 m ²	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, hư hỏng nặng, đóng cửa lâu ngày không sử dụng	Giấy chứng nhận QSSD số AM890642, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 03/9/2008	ODT	ODT	Đất ở
28	28	Trung tâm Thẩm định Tài chính	Số 27-29 Huỳnh Văn Hai, phường Long Xuyên	263,30	524,98	5.047.007.000	3.045.840.000	2.001.167.000	4.108.094.840	DTXD 262,49 m ² ; 02 tầng; DTS 524,98 m ²	Cơ sở nhà đất còn nguyên trạng, sử dụng ổn định	Giấy chứng nhận QSSD số CT25916	ODT	ODT	Đất ở
29	29	Văn phòng Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Số 06 Nguyễn Du, phường Long Xuyên	258,40	583,20	8.088.944.000	7.054.320.000	1.034.624.000	7.054.320.000	Nhà làm việc 03 tầng	Cơ sở còn tài sản, thống nhất giao chìa khóa sau khi báo di dời tài sản. Cơ sở nhà đất còn nguyên trạng, sử dụng ổn định	Giấy chứng nhận Quyền quản lý sử dụng nhà, đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp số T16005002/015	ODT	ODT	Đất ở
30	30	Ban Quản lý dự án Dầu tư xây dựng (cũ) (Phòng Tài chính - Kế hoạch)	Số 170/4 Thoại Ngọc Hầu, Mỹ Long Tờ Bản đồ số 21, Thửa số: 24	561,00	561,00	6.285.535.000	5.533.920.000	751.615.000	5.533.920.000		Công trình còn tài sản, không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh. Công trình còn sử dụng được	Không có	ODT	ODT	Đất ở
31	31	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Số 01 Đoàn Văn Phái, Mỹ Long	241,18	241,18	4.423.948.800	839.886.800	3.584.062.000	1.614.174.520		Công trình không còn tài sản, không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh. Công trình còn sử dụng được, tuy nhiên phần mái nhà bị dột do đổ nước chảy vào công trình gây thấm nước	Không có	ODT	ODT	Đất ở
32	32	Văn phòng Thành ủy Long Xuyên	Số 05 Ngô Gia Tự, Mỹ Long	616,70	956,30	12.265.998.000	12.076.350.000	189.648.000	12.076.350.000		Cơ sở nhà, đất xuống cấp. Không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà như điện, nước. Bên trong còn tài sản do đơn vị khác đang để nhờ. Tình trạng lúc kiểm tra hiện trạng sàn ngập nước.	Có GCNQSSD nhưng địa phương chưa bàn giao	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở
33	33	Nhà đất công (Công ty Phan Tường)	Số 77 Nguyễn Trãi, Mỹ Long	79,20	79,20	1.668.430.000	1.544.400.000	124.030.000	1.544.400.000		Cơ sở nhà, đất xuống cấp. Hệ thống cửa chính rỉ sét nặng. Không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà như điện, nước.	Có GCNQSSD nhưng địa phương chưa bàn giao	ODT	ODT	Đất ở
34	34	Nhà đất công (Ngân hàng Quốc tế)	Số 73,75 Nguyễn Trãi, Mỹ Long	154,80	154,80	3.537.480.000	3.018.600.000	518.880.000	3.018.600.000		Cơ sở nhà, đất xuống cấp, tuy nhiên cơ bản còn sử dụng được. Không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà như điện, nước. Bên trong còn tài sản do đơn vị khác đang để nhờ	Có GCNQSSD nhưng địa phương chưa bàn giao	ODT	ODT	Đất ở
35	35	Công an phường Mỹ Phước (cũ)	Thửa 38, tờ 39, Số 9, Đường Phạm Cự Lượng, Mỹ Phước, Long Xuyên	176,10	248,50	2	1	1	2		Công trình xuống cấp, không còn tài sản, không còn hệ thống vận hành thiết yếu như điện nước chiếu sáng, đóng cửa lâu ngày không sử dụng	Có GCNQSSD nhưng địa phương chưa bàn giao	ODT	ODT	Đất ở
36	36	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc (cũ)	Đường Đỗ Nhuận, khóm Mỹ Quới, Mỹ Quý (Tờ 12, thửa 139)	1.176,00	576,00	8.601.984.001	8.601.984.000	1	8.601.984.001		Công trình xuống cấp, không còn tài sản, không còn hệ thống vận hành thiết yếu như điện nước chiếu sáng, đóng cửa lâu ngày không sử dụng	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn			
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác		
37	37	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	10/1 Châu Văn Liêm, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên (cũ), tỉnh An Giang	523,16		22.500.310.000	21.918.720.000	581.590.000	21.918.720.000	- Công sât: 0,47m ² ; - Sân dale: 47,17m ² - Nhà làm việc của Văn phòng chi cục: DTXD 184,04m ² ; DTS 427,49 m ² (02 tầng) - Nhà làm việc của đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng: DTXD 52,67m ² ; DTS 95,67 m ² .	có hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như chiếu sáng, đường nước); có sơ xuống cấp, bong tróc tường, nứt vách tường rào, còn sử dụng tốt, còn tài sản của đơn vị, dự kiến di dời trước năm 31/12/2025.		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
38	38	Cơ sở nhà, đất số 383 Hà Hoàng Hổ, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên của Ngân hàng nhà nước Việt Nam	Số 383 Hà Hoàng Hổ, phường Long Xuyên	236,00	529,50	19.650.928.000	18.628.896.000	1.022.032.000	18.628.896.000	01 ngôi nhà	Không còn tài sản ngoài công trình, công trình xuống cấp, hư hỏng		ODT	ODT	Đất ở	
39	39	Đội Thanh tra giao thông số 01 - Long Xuyên	Số 11,13 Chu Văn An, phường Long Xuyên	146,50	177,00	5.106.467.000	4.799.340.000	307.127.000	4.819.815.136		Hiện trạng cơ sở có tài sản ngoài công trình (Bàn, ghế đơn vị gửi lại) còn có hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện nước); công trình xuống cấp, tường bong tróc, nứt tường		ODT	ODT	Đất ở	
40	40	Trụ sở tạm trong thời gian sửa chữa Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Số 41 Nguyễn Văn Cung, phường Long Xuyên	106,00	311,00	4.711.055.000	4.137.900.000	573.155.000	4.627.692.720	DTXD 106 m ² ; 03 tầng; DTS 311 m ²	Hiện trạng còn tài sản của ban quản lý dự án để tạm thống nhất sau khi di dời hết tài sản sẽ bàn giao chia khóa, cơ sở xuống cấp, hư hỏng còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (điện, chiếu sáng)	Giấy chứng nhận Quyền quản lý sử dụng nhà, đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các quan hành chính sự nghiệp số T16H01030		ODT	ODT	Đất ở
2	5	PHƯỜNG BÌNH ĐỨC (05 CS)														
41	1	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường (cũ)	Số 837 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức	1.657,80	2.868,50	16.105.717.876	8.872.000.000	7.233.717.876	12.921.623.090	- Ngôi 1 (4 tầng), DTXD 277,5 m ² , có diện tích sân 1.109,98 m ² - Ngôi 2 (4 tầng) DTXD 202 m ² , có diện tích sân 806,88 m ² - Ngôi 3 (4 tầng) DTXD 238 m ² , có diện tích sân 951,64 m ²	Cơ sở còn tài sản, thống nhất giao chia khóa sau khi báo di dời tài sản. Cơ sở nhà đất còn nguyên trạng, sử dụng được	Giấy chứng nhận QSSD số X737796, Trích đo địa chính khu đất ngày 10/6/2203 (bản photo)		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
42	2	Ban Bảo vệ Dân phố (Trạm y tế phường Bình Đức 1 (cũ))	Đường cấp rạch Trà Ôn, Bình Đức (Tờ 72, thửa 94)	395,39	264,30	1.930.756.480	1.680.756.480	250.000.000	1.680.756.480	Trụ sở Ban Bảo vệ dân phố: 249,4m ² sân sử dụng	Nguyên trạng nhà cấp 4, nền gạch, vách tường, mái tole, cửa chính và cửa sổ bằng sắt gắn liền với ngôi nhà, có công chính bằng sắt, xung quanh có tường rào khung sắt bao quanh. Hiện trạng có khoảng 50-60 chiếc xe tang vật của công an phường đang tạm giữ, có lực lượng bảo vệ dân phố trực giữ	Giấy chứng nhận QSSD số AP105472; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 10/9/2008		ODT	ODT	Đất ở
43	3	Trụ sở UBND xã + Công an (cũ) xã Mỹ Khánh	Tờ 08, thửa 329, Ấp Bình Hòa 1, Mỹ Khánh (nay là phường Bình Đức)	1.127,80	1.492,63	7.422.631.190	2.111.241.000	5.311.390.190	3.944.025.823	Ngôi 1: Trụ sở làm việc tạm Công an xã, diện tích 740,32 m ² sân sử dụng; Ngôi 2: Nhà tạm, diện tích 66,38m ² sân sử dụng; Ngôi 3: Bếp ăn, diện tích 42,534m ² sân sử dụng	Hiện trạng cơ sở nhà, đất có có hàng rào sắt bao xung quanh, không sử dụng từ năm 2018. Ngôi nhà chính có cửa đi + cửa sổ bằng kính, khung sắt gắn liền với ngôi nhà, còn một số bàn, ghế, tủ sắt, hồ sơ chưa di dời, có hồ dán nuôi gà. Dự kiến thời gian di dời để hoàn trả mặt bằng: cuối tháng 10/2025. Bên hông có Ngôi nhà cây đã xuống cấp nghiêm trọng, không sử dụng được.	Giấy chứng nhận QSSD số AC436058; Hồ sơ kỹ thuật khu đất ngày 17/10/2005		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
44	4	Ban chỉ huy Quân sự (mới) xã Mỹ Khánh	Thửa đất số 10, tờ bản đồ 15, tại ấp Bình Hòa, xã Mỹ Khánh	594,14	477,00	3.109.230.000	1.083.888.000	2.025.342.000	2.282.215.350	Ngôi 1: Trụ sở Ban chỉ huy quân sự, diện tích 136,09 m ² sân sử dụng	Hiện trạng ngôi nhà còn mới, cơ sở hạ tầng còn tốt, còn sử dụng được. Nhà còn đầy đủ hệ thống cửa đi cửa sổ, khung sắt hàng rào và cửa rào. Nhà bếp, nhà vệ sinh, phòng ăn, kho: vách tole, mái tole còn mới và đang sử dụng	Ngôi 1: Trụ sở Ban chỉ huy quân sự, diện tích 136,09 m ² sân sử dụng		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn	
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác
45	5	Chi Cục Thủy Lợi	Số 41, 42C1, đường Lê Hoàn, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên (cũ), tỉnh An Giang	311,76	895.685.000	895.685.000	0	0	Nhà làm việc; DTXD 148,68m ² ; DTS 311,76m ² (02 tầng)	Hiện trạng xuống cấp, trần nhà phòng bên trái tại tầng 01 bị thủng và dột nước mưa, cơ sở không có tài sản ngoài công trình và cũng không có hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như chiếu sáng, máy lạnh, màn sáo), tất cả các đèn dài 1m ² đã tháo dỡ, hư mất 01 tay nắm cửa nhà vệ sinh;		ODT	ODT	Đất ở
3	2	PHƯỜNG CHÂU ĐỐC (02 CS)												
46	1	Trạm Truyền thanh, phường Châu Phú A	KDC khóm 8, Phường Châu Phú A	237,70	377.799.000	280.177.000	97.622.000	280.177.000		Hiện trạng xuống cấp không thể sử dụng, xung quanh có mọc dại, dây leo um tùm	Có GCNQSDĐ nhưng địa phương chưa bàn giao	ODT	ODT	Đất ở
47	2	Trạm Y tế phường Vĩnh Ngươn (cũ)	Phường Vĩnh Ngươn	1.087,00	684.110.000	684.110.000	0	684.110.000		chưa có GCNQSDĐ.Đất trống có hàng rào, hiện tại có hộ đang để nhờ một số chậu hoa.	Không có	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
4	1	PHƯỜNG VINH TẾ (01 CS)												
48	1	Trụ sở tam UBND xã Vĩnh Tế (Hội Đồng y xã sử dụng)	Ấp Vĩnh Khánh 2, xã Vĩnh Tế	775,70	2.331.187.000	467.500.000	1.863.687.000	467.500.000		Hiện trạng nhà sàn, vách tôn, xuống cấp, còn hệ thống điện nước	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
5	2	XÃ AN CHÂU (02 CS)												
49	1	Cơ sở nhà, đất của BHXH cơ sở Long Xuyên thuộc BHXH tỉnh An Giang	Xã An Châu, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ ấp Hoà Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang)	180,00	1.662.339.000	1.138.500.000	523.839.000	1.138.500.000	Nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ	Cơ sở nhà, đất đã di dời toàn bộ tài sản, hiện trạng chỉ còn nhà và các hạng mục phụ trợ gồm: tường rào, sân. Phần nhà đã xuống cấp nghiêm trọng, tường nứt, thấm ở nhiều vị trí, phần tường rào cũng rỉ sét, khá nặng sử dụng kém. Các phòng làm việc không còn chìa khóa (chỉ bàn giao chìa khóa cửa rào và cửa chính). Công trình có cầu thang thông lên mái nhà có cửa bảo vệ nhưng không khóa được. Công trình không có hệ thống camera an ninh và hệ thống phòng cháy chữa cháy. Có hệ thống điện, nước nhưng không vận hành.	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00530/QSDD/EA do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 01/02/2000 (bản gốc). - Văn bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 1940/VBXDGT-BHXH ngày 27/09/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang (bản photo). - Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà đất ngày 18/10/2011 (bản gốc).			
50	2	Trường Tiểu học A Hòa Bình Thạnh - điểm phụ 2 (Trường Tiểu học A2 Hòa Bình Thạnh)	Thửa 31 - TĐĐ 4, ấp Hòa Thuận, xã An Châu	3.662,80	2.441.048.000	1.401.048.000	1.040.000.000	1.401.048.000		Hiện trạng còn lùa giống của người dân gửi và không còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, hư hỏng nặng, đóng cửa lâu ngày không sử dụng, có hàng rào bảo vệ xung quanh, tay nắm cửa hư.	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
6	2	XÃ CHÂU PHÚ (02 CS)												
51	1	Cơ sở nhà, đất của BHXH cơ sở An Châu thuộc BHXH tỉnh An Giang	Xã Châu Phú, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang)	635,40	1.289.113.500	876.852.000	412.261.500	876.852.000	Nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ	Cơ sở nhà, đất đã di dời toàn bộ tài sản, hiện trạng chỉ còn lại nhà và các hạng mục phụ trợ gồm: Tường rào và công, sân. Trong đó: Nhà làm việc đã xuống cấp nghiêm trọng, tường bị thấm nhiều vị trí, vách bị hư hỏng, chấp vá. Tường rào và công bị rỉ sét, hư hỏng nhiều.	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T02169eF do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 07/07/2009 (bản gốc). - Văn bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 1938/VBXDGT-BHXH ngày 27/09/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang (bản photo). - Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà đất ngày 18/10/2011 (bản gốc).			
52	2	Công an thị trấn Cái Dầu	Tờ ĐĐ số 18, thửa số 112, ấp Vĩnh Phúc, TTCD	375,70	2	406,60	1	1	2	Có tài sản ngoài công trình và vẫn còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng), công trình xuống cấp, sử dụng được.	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT	ODT	Đất ở

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn		
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác	
7	2	PHƯỜNG TỈNH BIÊN (02 CS)													
53	1	BCH Quân sự xã An Nông cũ	Thửa đất số 4993, tờ bản đồ số 01, ấp Tân Biên, xã An Nông	594,40	121,68	263.304.000	53.496.000	209.808.000	53.496.000	Công trình còn sử dụng tốt	Không có	ODT	ODT	Đất ở	
54	2	Cơ sở nhà, đất của BHXH cơ sở Châu Đốc thuộc BHXH tỉnh An Giang	Phường Tỉnh Biên, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ thị trấn Tỉnh Biên, huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang)	1.497,00	900,00	19.957.350.500	4.303.875.000	15.653.475.500	15.909.134.409	- Nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ (công, hàng rào, sân, đường, bồn hoa; nhà thường trực; nhà da nấng; nhà để xe cán bộ, khách) - Đường dây và trạm biến áp - Hệ thống điều hòa không khí - Camera giám sát	Cơ sở nhà, đất BHXH tại phường Tỉnh Biên đã di dời toàn bộ tài sản, hiện trạng còn lại nhà làm việc, các công trình phụ trợ gồm: Công và tường rào, sân, đường, bồn hoa; nhà da nấng (bảo vệ, nhà ăn); nhà để xe khách, cán bộ và tài sản khác gồm: hệ thống điều hòa (12 bộ máy lạnh (02 cái ở phòng giám định BHYT hong, 02 cái tầng trệt chưa nối dây), 08 remote) và an ninh (8 camera (1 cái chỗ bảo vệ hong), 2 tivi (đã hong cá 2), hộp box điều khiển). Trong đó: Nhà và các công trình phụ trợ còn sử dụng được, có một vách tường bị thấm và có một vài phòng bị bong gạch. Hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera, điện, nước hoạt động bình thường.	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 15619 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 31/10/2017 (bản gốc). - Quyết định số 1633/QĐ-BHXH ngày 29/10/2016 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang (bản phê tố). - Quyết định số 1975/QĐ-BHXH ngày 18/12/2020 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang (bản phê tố). - Văn bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số ngày 10/08/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang (bản phê tố). - Bản vẽ hoàn công (bản phê tố).	ODT	ODT	Đất ở
8	5	PHƯỜNG THỚI SƠN (05 CS)													
55	1	Trụ sở làm việc (cũ) của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên	Phường Thới Sơn	182,38		977.691.000	618.759.000	358.932.000	618.759.000	DTXD 182,38 m ²	Hiện trạng nhà còn 1 số tài sản đơn vị thông nhất di dời khỏi công trình, nhà còn sử dụng được nhưng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toàn nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh)	Không có	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
56	2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao thị xã - Cửu Trùng Đài	Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 28 và thửa đất số 150, tờ bản đồ số 46, khóm Thới Hòa, phường Nhà Bàng	24.271,00	5.362,08						Hiện trạng sử dụng: trên đất có trụ sở làm việc, khu đất được xây hàng rào kiên cố	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT14812 ngày 08/12/2016 (bản chính); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT14813 ngày 08/12/2016 (bản chính);	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
57	3	Trạm Y tế phường Nhà Bàng (cũ)	Đường Đoàn Minh Huyền, Hương lộ 7, ấp Núi Két, phường Thới Sơn	1.389,70	372,80	2.689.822.000	2.293.005.000	396.817.000	2.293.005.000	- Trụ sở làm việc 326,2 m ²	Hiện trạng nhà trống, còn sử dụng được nhưng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toàn nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh)	Không có	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
58	4	Trụ sở UBND phường Nhà Bàng cũ	Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 19, khóm Thới Hòa, phường Nhà Bàng		2.167,20	15.693.960.000	5.148.000.000	10.545.960.000	14.112.066.000		Hiện trạng sử dụng: Trên đất có trụ sở làm việc đã xuống cấp, 01 hội trường đã xuống cấp, khu đất được xây hàng rào kiên cố.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.00227bK ngày 04/12/2009 (bản chính); Hồ sơ kỹ thuật khu đất ngày 08/9/2008 (bản chính)	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
59	5	Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang	khóm Sơn Đông, phường Thới Sơn, tỉnh An Giang	2.887,80	206,15	2.927.800.000	2.887.800.000	40.000.000	2.887.800.000		Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, hư hỏng nặng, đóng cửa lâu ngày không sử dụng. Có mọc um tùm.		ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
9	2	XÃ AN CƯ (02 CS)													
60	1	Trường Mầm Non Hoa Lan-Điểm phụ (xã Vĩnh Trung cũ)	Ấp Vĩnh Lập, xã Vĩnh Trung (cũ)	584,30	273,21	233.720.000	233.720.000		0	233.720.000	Hiện trạng cơ sở xuống cấp, không thể sử dụng, tuy còn tài sản của dân gửi. Đề nghị UBND xã di dời trước 31/10	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT	ODT	Đất ở

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn		
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác	
61	2	Trường Tiểu học B Vĩnh Trung-Điểm phụ	Áp Vĩnh Lập, xã Vĩnh Trung(cũ)	447,70	109,44	134.310.000	134.310.000	0	134.310.000	Hiện trạng cơ sở xuống cấp, không thể sử dụng.	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT	ODT	Đất ở	
10	2	XÃ TRI TÔN (02 CS)													
62	1	Bảo hiểm Tri Tôn (cũ)	Khóm 4, xã Tri Tôn	260,00	243,00	792.917.000	374.400.000	418.517.000	391.140.680	DTXD 109,8 m ² ; 02 tầng; 243 m ²	Hiện trạng nhà trống, còn sử dụng tốt nhưng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toàn nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh)	Giấy chứng nhận QSDĐ số Q069237; bản đồ giao đất bản sao y ngày 24/11/1999	ODT	ODT	Đất ở
63	2	Đội Thanh tra giao thông số 10 - Tri Tôn	Số 134 Ngõ Quyền, xã Tri Tôn	140,90	218,70	748.870.000	324.070.000	424.800.000	380.710.002	Nhà làm việc: DTXD 88,5 m ² , DTS 177 m ² , 02 tầng	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), Cơ sở nhà đất còn nguyên trạng, sử dụng được	Giấy chứng nhận QSDĐ số BK065666	ODT	ODT	Đất ở
11	2	XÃ Ô LÂM (02 CS)													
64	1	Nhà Văn hóa	Lương Phi	6.123,80	119,00	3.904.551.200	3.821.251.200	83.300.000	3.821.251.200		Công trình xuống cấp, Khu đất có hàng rào trụ ranh rõ ràng. Có sân bóng mini, 02 nhà có lối đi trên đất công, 01 căn nhà cấp 4 kiên cố. Căn nhà cấp 4 do ông Võ Văn Phúc xây dựng, đầu tư sân bóng mini và quán lý. Sân bóng đá xây dựng năm 2019	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.00348dL ngày 01/9/2009 (bản chính); Hồ sơ kỹ thuật khu đất ngày 01/9/2007 (bản chính)	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
65	2	Nhà Văn hóa Ô Lâm	Ô Lâm	1.063,30	154,00	559.702.500	451.902.500	107.800.000	451.902.500		Công trình xuống cấp không còn tài sản ngoài công trình không còn hệ thống vận hành thiết yếu như điện nước chiếu sáng, đong cửa lâu ngày không sử dụng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.00227fL ngày 01/9/2009 (bản chính); Hồ sơ kỹ thuật khu đất ngày 21/12/2007 (bản chính)	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
12	4	XÃ PHÚ TÂN (04 CS)													
66	1	Cơ sở nhà, đất của BHXH cơ sở Tân Châu thuộc BHXH tỉnh An Giang	xã Phú Tân, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang)	1.224,30	850,00	16.392.740.800	2.080.846.800	14.311.894.000	13.271.948.436		Cơ sở nhà, đất BHXH tại xã Phú Tân đã di dời toàn bộ tài sản, hiện trạng còn lại nhà làm việc, các công trình phụ trợ gồm: Công và tường rào, sân, đường; nhà đa năng (bảo vệ); nhà để máy phát điện; bể nước ngầm, bể phốt; nhà xe khách, nhân viên và tài sản khác gồm: hệ thống điều hòa (20 bộ máy lạnh, 13 remote) và an ninh (8 camera, 1 tivi, hộp box điều khiển). Trong đó: Nhà và các công trình phụ trợ còn sử dụng được, có một vách tường bị thấm. Hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera, điện, nước hoạt động bình thường.	- Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 19/04/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thu hồi và giao đất cho Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang (bản gốc). - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT18034 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 26/04/2019 (bản gốc). - Quyết định số 1927/QĐ-BHXH ngày 27/10/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (bản phê duyệt). - Quyết định số 1632/QĐ-BHXH ngày 06/12/2021 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (bản phê duyệt). - Văn bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 1943/VBXDGT-BHXH ngày 27/09/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang (bản phê duyệt).			
67	2	Ban Chi huy quân sự	Áp Tân Thạnh, xã Tân Trung	1.555,00	188,00	2	1	1	2		Hiện trạng cơ sở nhà, đất có hàng rào sắt bao xung quanh. Còn có tài sản ngoài công trình và còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng), Bảo vệ dân phố đang giữ	Có GCNQSDĐ nhưng địa phương chưa bàn giao	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn	
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác
76	1	Trường TH " B " Phú Thạnh (điểm phụ 1)	1.734,20	768,30	2	1	1	2	Công trình xuống cấp, hư hỏng nặng, không còn tài sản ngoài công trình, không còn hệ thống điện, nước, chiếu sáng.	GCNQSSD Đ số T.00859pC ngày 2/8/12/2009 (bản chính); Giấy chứng nhận quyền quản lý nhà, đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu NN số 44/GCN ngày 17/4/2023	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
77	2	Trụ sở UBND xã cũ (trước sáp nhập)	1.014,80	578,90	854.184.000	349.524.000	504.660.000	349.524.001	Công trình xuống cấp, hư hỏng nặng, phần nhà xe đã sập, hệ thống cửa hư hỏng ri sét, không còn hệ thống điện, nước, chiếu sáng.	Không có	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
78	3	Trường TH Phú Thành (điểm 3)	1.481,20	151,00	2	1	1	2	Công trình đã hư hỏng nặng, không có tài sản ngoài công trình, không còn hệ thống điện, nước, chiếu sáng.	Không có	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
18	1	XÃ MỸ ĐỨC (01 CS)												
79	1	Ban Chi huy quản sự xã cũ	Tờ BĐ số 107, thửa số 94, 170 và Tờ BĐ số 112, thửa số 261 ấp Mỹ Phó	18.282,00	105,20	3.221.729.600	2.791.827.500	429.902.100	2.791.827.500	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, hư hỏng nặng, đóng cửa lâu ngày không sử dụng, hiện tại không có lối đi vào khu đất	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
19	3	XÃ BÌNH MỸ (03 CS)												
80	1	Trường Mầm non Bình Mỹ (Điểm phụ 1)	Áp Bình Hưng 1, xã Bình Mỹ	6.000,00	253,00	1.120.811.000	390.400.000	730.411.000	390.400.000	Cơ sở nhà, đất cơ bản còn sử dụng được. Không còn hệ thống vận hành tòa nhà như điện, nước, chiếu sáng. Không còn tài sản ngoài công trình	Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà số 050371 ngày 2/10/2003 (bản chính)	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
81	2	Trường Tiểu học "C" Bình Thủy (Điểm 2)	Áp Bình Hòa, xã Bình Mỹ	3.017,00	351,50	1.503.400.000	603.400.000	900.000.000	851.390.000	Cơ sở nhà, đất cơ bản còn sử dụng được. Không còn hệ thống vận hành tòa nhà như điện, nước, chiếu sáng. Không còn tài sản ngoài công trình	GCNQSSD Đ số CT04592 ngày 02/11/2012 (bản chính); hồ sơ kỹ thuật khu đất ngày 8/8/2008 (bản chính)	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
82	3	Trường Tiểu học Bình Chánh (Điểm phụ Trường Tiểu học "B" Bình Chánh (cũ))	Áp Bình Chon, xã Bình Mỹ	2.266,90	246,37	2.013.480.719	1.360.140.000	653.340.719	1.360.140.000	Cơ sở nhà, đất xuống cấp hư hỏng, cửa kính vỡ, không còn hệ thống vận hành tòa nhà như điện, nước, chiếu sáng. Còn tài sản cần di dời	Không có	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
20	2	XÃ THẠNH MỸ TÂY (02 CS)												
83	1	Nhà Văn hóa xã	Áp Long An	2.616,20	316,00	1.113.240.000	523.240.000	590.000.000	523.240.000	Cơ sở nhà, đất xuống cấp nặng, thấm nước tường phụ rêu. Không còn hệ thống vận hành tòa nhà như điện nước chiếu sáng. Còn tài sản do đơn vị khác để nhờ	GCNQSD Đ số CT16847 ngày 16/10/2018 (bản chính)	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
84	2	Trường Tiểu học "B" Ô Long Vỹ (Điểm phụ)	Áp Long Thuận	5.750,10	145,54	740.010.000	575.010.000	165.000.000	575.010.000	Công trình xuống cấp, bỏ hoang lâu ngày không sử dụng, xung quanh có dại và dây leo phủ kín	Không có	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
21	8	XÃ THOẠI SƠN (08 CS)												
85	1	Khu hành chính thị trấn Núi Sập (cũ)	Thửa số 88, tờ bản đồ 17, khóm Đồng Sơn 2, TT Núi Sập, huyện Thoại Sơn	4.800,10	2.584,00	17.222.094.900	16.373.952.900	848.142.000	16.373.952.900	Công trình còn sử dụng được những hạng mục chính, nhà phụ xuống cấp, hư hỏng	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
86	2	Khu đất Nhà Văn hóa	Thửa 98, tờ bản đồ 17, khóm Đồng Sơn 2, TT Núi Sập, huyện Thoại Sơn	1.988,50	0,00	143.374.000	122.000.000	21.374.000	137.671.416	Đất trống	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
87	3	Tiểu học "B" Thoại Giang (điểm phụ)	Thửa 33, tờ bản đồ 13, Ấp Trung Bình, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn	1.125,50	275,00	556.250.450	393.234.450	163.016.000	393.234.450	Tình trạng xuống cấp, bỏ trống lâu ngày, hệ thống cửa kính vỡ toàn bộ, không còn hệ thống vận hành tòa nhà như điện, nước, chiếu sáng	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn				
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác			
88	4	Trường THCS TT Núi Sập	Thửa số 52, tờ bản đồ 56, khóm Tây Sơn, TT Núi Sập, huyện Thoại Sơn	1.183,00	0,00	1.154.660.000	1.154.660.000	0	1.154.660.000		Đất trống	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ		
89	5	Thư viện huyện	Thửa 97, tờ 17, khóm Đông Sơn 2, TT Núi Sập, huyện Thoại Sơn	5.747,40	577,00	25.033.492.800	20.690.640.000	4.342.852.800	21.732.924.672		Công trình bị đập phá lấy đi toàn bộ các khối cửa, không còn tài sản ngoài công trình, công không còn hệ thống điện, nước, chiếu sáng	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ		
90	6	Nhà Văn hóa (cũ)	Đường Nguyễn Văn Trỗi, khóm Đông Sơn 2, TT Núi Sập, huyện Thoại Sơn	0,00	1.528,00	11.477.351.801		1	11.477.351.800	2.281.728.241		Công trình xuống cấp, đóng cửa lâu ngày, tài sản còn, xã sẽ di dời	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
91	7	Lòng hồ số 1	Đường Nguyễn Văn Trỗi, khóm Đông Sơn 2, TT Núi Sập, huyện Thoại Sơn	90.598,50	3.476,00	146.597.286.971	143.547.955.200	3.049.331.771	143.582.400.538		Đây là khu du lịch lòng hồ số 1, hiện đã ngừng kinh doanh khai thác, cỏ mọc phủ toàn bộ các lối đi	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ		
92	8	Trạm Y tế thị trấn Núi Sập (cũ)	Ấp Đông Sơn 2, xã Thoại Sơn	1.232,40	409,16	3.791.291.600	3.408.499.600	382.792.000	3.408.499.600		- Ngôi 1 (trụ sở làm việc) DTSSD: 124,63 m ² - Ngôi 2 (Nhà truyền thống+ cấp cứu) DTSSD: 214,17 m ² - Ngôi 3 (Đông Y) DTSSD: 46,6 120 m ² - Ngôi 4 (Nhà bếp) DTSSD: 13,66 m ²	Hiện trạng công trình xuống cấp, cửa sắt bị tháo dỡ chỉ còn khung, không thể sử dụng	Giấy chứng nhận QSDĐ số AP137390	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
22	5	XÃ ĐỊNH MỸ (05 CS)															
93	1	Tiểu học "A" Định Thành (điểm phụ 2)	Thửa 02, tờ 47, ấp Hòa Phú, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn	1.941,50	409,00			1		1			Công trình xuống cấp, hư hỏng nặng không thể sử dụng, không còn điện nước chiếu sáng, không còn tài sản	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
94	2	Tiểu học "B" Vinh Phú (điểm phụ 1)	Thửa 11, tờ 14, Ấp Trung Phú 4, xã Vinh Phú, huyện Thoại Sơn	1.571,80	0,00			1		1			Công trình xuống cấp, tạm sử dụng được, không còn điện nước chiếu sáng, không còn tài sản	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
95	3	Tiểu học "B" Vinh Phú (điểm phụ 2)	Thửa 18, tờ bản đồ 5, ấp Trung Phú 6, xã Vinh Phú, huyện Thoại Sơn	1.688,20	0,00			2		1			Không có giấy chứng nhận, không có công trình, đang trồng lúa	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
96	4	Tiểu học "B" Định Mỹ (điểm phụ 2)	Thửa 452, tờ bản đồ 2, Ấp Phú Hữu, xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn	2.917,50	409,00			2		1			Đất trống	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
97	5	Tiểu học "B" Định Mỹ (điểm phụ 3)	Thửa 924, tờ bản đồ 4, Ấp Phú Hữu, xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn	1.268,00	15,00			1		1			Đất trống	Địa phương chưa bàn giao HS	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
23	1	XÃ PHÚ HOA (01 CS)															
98	1	Khu hành chính cũ xã Vinh Chánh	Thửa số 120, tờ bản đồ số 2, ấp Đông An, xã Vinh Chánh, huyện Thoại Sơn	3.542,60	173,60			2		1			Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, hư hỏng nặng, đóng cửa lâu ngày không sử dụng.	Bản trích đo địa chính ngày 26/9/2014 (bản photo)	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ
24	1	XÃ ỐC EO (01 CS)															
99	1	Trạm Y tế thị trấn Ốc Eo (cũ)	Ấp Tân Hiệp B, xã Ốc Eo	912,20	288,91	2.224.574.000	985.204.000	1.239.370.000	1.067.250.294		- DTSSD: 226,32 m ²		Cơ sở nhà, đất Trạm Y tế thị trấn Ốc Eo đóng cửa, không sử dụng; khuôn viên trống, cây đại dây leo. Hiện trạng công trình còn nguyên khối, nguyên trang, tuy nhiên bên trong công trình có một số nơi nền nhà đã xuống cấp, hư hỏng nhẹ. Còn một số hồ sơ, trang thiết bị của Phòng khám Ốc Eo (hiện đã nhập vào Trạm Y tế Ốc Eo) lưu tại công trình.	Giấy chứng nhận QSDĐ số BR626031	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn		
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác	
25	1	XÃ BA CHÚC (01 CS)													
100	1	Trạm y tế (cũ)	Lạc Quới	1.850,30	0,00	562.563.201	562.563.200	1	562.563.201	Tài sản xuống cấp không còn sử dụng được không còn cửa, cây cối, dây leo um tùm mọc kín lối đi. Do cấp kênh nên mùa nước lên sẽ bị ngập	Bản trích đo địa chính (bản gốc)	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
26	1	XÃ CỎ TỎ (01 CS)													
101	1	Trường TH Tân Tuyến (công số 5)	Tân Tuyến	2.943,10	0,00	353.160.000	353.160.000	0	353.160.000	Đất trống	Bản trích đo địa chính 18/9/2018 (bản photo)	ODT + TMDV	ODT + TMDV	Đất ở, thương mại dịch vụ	
27	1	XÃ VĨNH XƯƠNG (01 CS)													
102	1	Trạm Y tế xã Vinh Hòa (cũ)	Vinh Hoà, Xã Vinh Xương	623,10	347,39	1.758.880.000	523.404.000	1.235.476.000	639.868.204	DT nhà 313,6 m ² (chuẩn bi di dời)	không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh, quạt); công trình xuống cấp, hư hỏng nặng, đóng cửa lâu ngày không sử dụng. Cơ sở nhà, đất này muốn sử dụng phải đầu tư cải tạo, sửa chữa		ODT	ODT	Đất ở
28	10	PHƯỜNG RẠCH GIÁ (01 CS)													
103	1	Cơ sở nhà, đất tại 123-125 Nguyễn Hùng Sơn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	123-125 Nguyễn Hùng Sơn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	130,40	130,40		521.600.000		1.881.740.486	Nhà cấp II loại B	Cơ sở nhà đất xuống cấp do đóng cửa lâu ngày muốn sử dụng phải cải tạo sửa chữa. Trung tâm kiểm định đánh giá loại B sử dụng được.	- GCN số AP990238 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 27/07/2009; Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 18/4/2025; Bản trích đo số TD51-2023 do VPKDDD lập ngày 21/12/2023; Hồ sơ đánh giá chất lượng công trình liên quan đến cơ sở nhà đất của Trung tâm kiểm định; Mẫu BB bàn giao TSC.	ODT	ODT	
104	2	Số 149 Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá	Số 149 Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá	235,10	476,40		224.436.000	312.828.000	150.157.440	Nhà xây dựng năm 1997, 02 tầng	Cơ sở nhà, đất còn nguyên trạng, sử dụng ổn định, hệ thống thiết yếu (điện, nước, chiếu sáng) đảm bảo vận hành toà nhà. Hiện nay do Hội cựu Chiến binh tình đang quản lý tạm sử dụng làm trụ sở làm việc, thống nhất giao chìa khóa sau khi Hội cựu Chiến binh di dời tài sản đến trụ sở mới.	- GCN số BM562553 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/09/20163; Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30/8/2025; Bản trích đo số ĐĐ65-2023 do VPKQSDD lập ngày 23/8/2013 ;Mẫu BB bàn giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/ND-CP	ODT	ODT	
105	3	Số 273 Trần Phú, phường Rạch Giá	Số 273 Trần Phú, phường Rạch Giá	100,90	201,80					Nhà xây dựng trước năm 1975, DTXD 100,9 m ² , diện tích sàn 201,8 m ²	- Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30/8/2025; Sơ đồ vị trí khu đất lập ngày 22/6/2005 ;Mẫu BB bàn giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/ND-CP	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh). Cơ sở nhà đất này sử dụng bình thường.	ODT	ODT	

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn			
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác		
106	4	Số 18 Lê Lợi, phường Rạch Giá (cơ sở trước đây của Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng)	Số 18 Lê Lợi, phường Rạch Giá	1.291,40	1.546,56				15.465.600.000	3.058.149.580	2.030.411.420	Trục sở làm việc (Nhà cấp II): 356 m ² Rạp thính Lợi (Nhà cấp I): 1.190 m ²	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh); Phía tầng trên có một phần diện tích nhà của Ông La Thành Được sử dụng, đây là thực tế nguyên trạng đã có từ trước đến nay và đã chuyển giao qua nhiều đơn vị quản lý, sử dụng được ghi nhận trong các lần chuyển giao trước. Do đó, Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh An Giang, Trung tâm Phát triển quỹ đất và các cơ quan, đơn vị liên quan thống nhất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tiếp nhận nguyên trạng căn nhà từ Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh An Giang, trường hợp có phát sinh những vấn đề cần giải quyết thì các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp xem xét, báo cáo xin ý kiến cơ quan thẩm quyền. Công trình muốn sử dụng phải cải tạo sửa chữa.	- GCN số AB460342 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 21/10/2009 và GCN (giấy xanh) do STC cấp ngày 03/3/2005; Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30/8/2025; Bản trích đo số TD do Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 03/02/2005; Mẫu BB bản giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/ND-CP	TMD	TMD
107	5	Số 17 Trần Quang Diệu, phường Rạch Giá	Số 17 Trần Quang Diệu, phường Rạch Giá	99,72	419,66				1.041.230.000	731.257.000	87.751.000	01 ngôi nhà (05 tầng); DTXD 419,66m ² bề tổng nền gạch men	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh). Cơ sở nhà đất này sử dụng bình thường.	-GCN (giấy xanh) do STC cấp ngày 09/01/2006; Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30/8/2025; Mẫu BB bản giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/ND-CP	ODT	ODT
108	6	Cơ sở nhà, đất tại 21 Cô Giang, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	21 Cô Giang, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	344,30	320,70					170.911.000	17.911.000	- Nhà trước loại C; Nhà sau loại B. Nhà xây dựng trước năm 1975.	Cơ sở nhà đất xây dựng trước năm 1975 xuống cấp, hư hỏng nặng do đóng cửa lâu ngày không cải tạo và sử dụng được. Trung tâm kiểm định đánh giá loại B&C không sử dụng được nguy hiểm.	- Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 18/4/2025; Bản trích đo số TD92-2023 do VPDKDD lập ngày 21/12/2023; Hồ sơ đánh giá chất lượng công trình liên quan đến cơ sở nhà đất của Trung tâm kiểm định; Mẫu BB bản giao TSC.	ODT	ODT
109	7	Cơ sở nhà, đất tại 118 Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	118 Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	63,70	61,48							- Nhà trước loại C; Nhà xây dựng trước năm 1975.	Cơ sở nhà đất xây dựng trước năm 1975 xuống cấp, hư hỏng nặng do đóng cửa lâu ngày không cải tạo và sử dụng được. Trung tâm kiểm định đánh giá loại C không sử dụng được nguy hiểm.	- Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 18/4/2025; Bản trích đo số TD55-2023 do VPDKDD lập ngày 21/12/2023; Hồ sơ đánh giá chất lượng công trình liên quan đến cơ sở nhà đất của Trung tâm kiểm định; Mẫu BB bản giao TSC.	ODT	ODT
110	8	Cơ sở nhà, đất tại 120 Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	120 Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	118,60	94,08							- Nhà trước loại B; Nhà xây dựng trước năm 1975.	Cơ sở nhà đất xây dựng trước năm 1975 xuống cấp, hư hỏng nặng do đóng cửa lâu ngày không cải tạo và sửa chữa được. Trung tâm kiểm định đánh giá loại B muốn sử dụng phải Cải tạo sửa chữa	- Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 18/4/2025; Bản trích đo số TD49-2023 do VPDKDD lập ngày 21/12/2023; Hồ sơ đánh giá chất lượng công trình liên quan đến cơ sở nhà đất của Trung tâm kiểm định; Mẫu BB bản giao TSC.	ODT	ODT

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn		
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác	
111	9	Số 71 Bạch Đằng, phường Rạch Giá (trụ sở trước đây của Chi cục nuôi trồng thủy sản)	Số 71 Bạch Đằng, phường Rạch Giá	148,90	296,65		293.400.000	494.360.000	138.760.630		Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp, hư hỏng nặng, đóng cửa lâu ngày không sử dụng và cải tạo được.	- Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 và Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30/8/2025; Ban trích đo số TD40-2022 do VPDKQSDĐ lập ngày 8/9/2022; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/NĐ-CP	ODT	ODT	
112	10	Cơ sở nhà, đất tại 16 Ngô Quyền, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	16 Ngô Quyền, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	96,10	96,10		137.392.860	137.392.860	0	- Nhà trước loại C; Nhà sau loại B. Nhà xây dựng trước năm 1975.	Cơ sở nhà đất xây dựng trước năm 1975 xuống cấp, hư hỏng nặng do đóng cửa lâu ngày không cải tạo và sử dụng được. Trung tâm kiểm định đánh giá loại B&C không sử dụng được nguy hiểm.	- Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 18/4/2025; Ban trích đo số TD92-2023 do VPDKDD lập ngày 21/12/2023; Hồ sơ đánh giá chất lượng công trình liên quan đến cơ sở nhà đất của Trung tâm kiểm định; Mẫu BB bán giao TSC.			
29	1	XÃ CHÂU THÀNH (01 CS)													
113	1	UBND xã Giục Tương Tân Tiến, Giục Tương	xã Châu Thành	4.013,00	1.451,80		4.815.600.000			03 ngôi nhà	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh). Cơ sở nhà đất này sử dụng không có hồ sơ pháp lý đúng bình thường.	- Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 9/9/2025; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/NĐ-CP	TMD +ONT	TMD +ONT	
30	2	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (02 CS)													
114	1	Công ty Cổ phần Phà An Giang (Tram thành phố Hồ Chí Minh)	số 923 Trần Xuân Soan, phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ)	119,00	299,11			1.390.053.746	453.874.769	Nhà (Diện tích xây dựng: 83,09 m ² ; diện tích sàn: 299,11 m ² ; Kết cấu 03 tầng, 01 lửng và tầng thượng)	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành tòa nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh). Cơ sở nhà, đất này đã xuống cấp muốn sử dụng phải cải tạo sửa chữa.	- GCN sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3221/SXD ngày 26/10/2003 của UBND thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 03/11/2025; Ban trích lục do VPDKQSDĐ lập ngày 02/7/2013; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/NĐ-CP			
115	2	Văn phòng liên lạc của UBND tỉnh Kiên Giang	Số 305A Điện Biên Phủ, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ)	389,60	Ngôi nhà 9 tầng		13.558.080.000			Có 01 căn nhà do Công ty TNHH VINAMDIC đầu tư xây dựng hiện trạng nhà có 01 tầng hầm và 10 tầng nổi hiện nay Công ty TNHH VINAMDIC đang sử dụng và hoạt động trong lĩnh vực y tế.	Y kiến Công ty TNHH VINAMDIC kể từ khi được Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) tin nhiệm làm đối tác để ký kết hợp đồng hợp tác Công ty chúng tôi đã không ngừng nỗ lực, bằng nhiều nguồn lực và cách thức hợp pháp để quyết tâm đưa dự án hoạt động. Tuy nhiên, quá trình thực hiện dự án còn kéo dài gặp nhiều khó khăn do đặc thù Công Ty trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho người dân từ suất đầu tư quá lớn thời gian hoàn vốn đầu tư lâu dài Công ty kiến nghị UBND tỉnh An Giang quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ cho Công ty chúng tôi được tiếp tục được thuê hoạt động. Cơ sở nhà, đất tại 305A, Điện Biên Phủ, phường Xuân Hoà, thành phố Hồ Chí Minh hiện trạng có 01 căn nhà do Công ty TNHH VINAMDIC đầu tư xây dựng hiện trạng nhà có 01 tầng hầm và 10 tầng nổi hiện nay Công ty TNHH VINAMDIC đang sử dụng và hoạt động trong lĩnh vực y tế; Bảo cáo 100-BC-TTPTOD ngày 8/12/2025	- GCN số CH753286 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/03/2017v và GCN số CH753287 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/03/2017 và GCN số CH753288 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/03/2017; Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 3/3/2009 và Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh; Ban trích đo số TD256-2016 do VPDKDD lập ngày 22/8/2016; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/NĐ-CP;			
31	4	XÃ GIANG THÀNH (04 CS)													

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn	
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác
116	1	Đất trụ sở Đội TTGT 05 (nhà và đất)	2.961,70	180,86	5.594.105.000	1.925.105.000	3.669.000.000	2.201.000.000	Nhà làm việc hạt VII giao lại Sở GTVT; DTXD 180,86 m ² , 02 tầng	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), Công trình muốn sử dụng phải Cải tạo sửa chữa mới sử dụng được.	- GCN số BD288291 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 27/02/2014; Quyết định 752/QĐ-UBND ngày 31/3/2011 và Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh; Bản trích đo địa chính số TD48-2022 (31-35) do VPKDD lập ngày 24/03/2022; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/NĐ-CP	ONT	ONT	
117	2	Trụ sở của Đội QLTT số 3	1.515,00	346,56	3.471.205.000	909.000.000	2.562.205.000	1.639.811.200	01 nhà làm việc 02 tầng	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), Công trình muốn sử dụng phải Cải tạo sửa chữa mới sử dụng được.	- GCN số BM496752 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/4/2015; Quyết định 752/QĐ-UBND ngày 31/3/2011 và Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND tỉnh; Bản trích đo địa chính số TD155-TĐ-ĐC do VPKDD lập ngày 21/09/2013; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/NĐ-CP	ONT	ONT	
118	3	Trụ sở Kho bạc huyện Giang Thành (Cơ sở nhà, đất của BHXH cơ sở Hà Tiên thuộc BHXH tỉnh An Giang)	3.732,14	1.016,00	10.079.085.329	111.964.200	9.967.121.129	5.437.440.461	Nhà làm việc 03 tầng	Cơ sở nhà, đất còn nguyên trạng, sử dụng ổn định, hệ thống thiết yếu (điện, nước, chiếu sáng) đảm bảo vận hành toà nhà.	- Quyết định 3132/QĐ-BTC ngày 11/12/2012 của Bộ Tài chính và Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh An Giang; Giấy CNQSDĐ số BA182796 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/01/2010; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/NĐ-CP	TMD	TMD	
119	4	Trụ sở Bảo hiểm xã hội xã Giang Thành (Cơ sở nhà, đất của BHXH cơ sở Hà Tiên thuộc BHXH tỉnh An Giang)	1.350,00	780,00	13.005.656.415	472.500.000	12.533.156.415	5.013.262.566	Nhà cấp IV	Cơ sở nhà, đất còn nguyên trạng, sử dụng ổn định, hệ thống thiết yếu (điện, nước, chiếu sáng) đảm bảo vận hành toà nhà.	- Quyết định 4449/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính và Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang; Giấy CNQSDĐ số DK670950 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/7/2023; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/NĐ-CP	TMD	TMD	
32	1	XÃ KIẾN LƯƠNG (01CS)												
120	1	Trụ sở Bảo hiểm xã hội xã Kiên Lương (Cơ sở nhà, đất của BHXH cơ sở Hà Tiên thuộc BHXH tỉnh An Giang)	1.399,60	1.088,51	13.428.362.535	4.463.986.800	8.964.375.735,00	8.185.793.611,00	Nhà làm việc cấp III	Cơ sở nhà, đất còn nguyên trạng, sử dụng ổn định, hệ thống thiết yếu (điện, nước, chiếu sáng) đảm bảo vận hành toà nhà.	- Quyết định 4449/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính và Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang; Giấy CNQSDĐ số BM496778 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/01/2014; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/NĐ-CP	TMD	TMD	
33	2	XÃ GÒ QUAO (01CS)												
121	1	Trụ sở làm việc KBNN Gò Quao cũ Ấp Phước Hưng, xã Gò Quao, tỉnh An Giang (trước đây là ấp Phước Hưng, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang)	1.345,90	680,75	7.923.644.035	3.231.522.000	4.692.122.035	3.529.686.650		Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp muốn sử dụng phải cải tạo sửa chữa	- Quyết định 4449/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính và Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang; Giấy CNQSDĐ số BA182796 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/01/2014; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/NĐ-CP	TMD	TMD	
122	2	Trụ sở BHXH Gò Quao (Cơ sở nhà, đất của BHXH cơ sở Châu Thành thuộc BHXH tỉnh An Giang)	380,20	179,52	1.009.020.000	571.662.000	437.358.000	201.184.680	Nhà cấp II	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp muốn sử dụng phải cải tạo sửa chữa	- Quyết định 4449/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính và Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang; Giấy CNQSDĐ số BM496778 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/01/2014; Mẫu BB bán giao TSC theo Mẫu 02	TMD	TMD	

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại	Công trình xây dựng	Hiện trạng công trình	Hồ sơ pháp lý	Đề xuất QH sử dụng đất đến 2030	Định hướng khai thác, đề xuất QH chung đô thị và nông thôn		
					Cộng	Nguyên giá đất	Nguyên giá nhà						Loại đất	Dự kiến khai thác	
34	1	XÃ AN MINH (01CS)													
123	1	Trụ sở làm việc KBNN An Minh cũ	Khu vực II, xã An Minh, tỉnh An Giang (trước đây là Khu vực II, Thị trấn thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang)	1.302,00	507,49	5.151.609.272	597.032.625	4.554.576.647	3.600.264.621						
										Cơ sở nhà, đất còn nguyên trạng, sử dụng ổn định, hệ thống thiết yếu (điện, nước, chiếu sáng) đảm bảo vận hành toà nhà.	- Quyết định 3132/QĐ-BTC ngày 11/11/2012 của Bộ Tài chính và Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang; Giấy CNQSDĐ do Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp; Mẫu BB bản giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/ND-CP	TMD	TMD		
35	1	XÃ TÂN HIỆP (01CS)													
124	1	Bảo hiểm xã hội xã Tân Hiệp Cơ sở nhà, đất của BHXH (Cơ sở Châu Thành thuộc BHXH tỉnh An Giang)	Địa chỉ: Khu phố Đông Hưng, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ Khu phố Đông Hưng, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang)	200,00	440,00	5.158.791.000	946.400.000	4.212.391.000	3.605.181.100						
										Cơ sở nhà, đất còn nguyên trạng, sử dụng ổn định, hệ thống thiết yếu (điện, nước, chiếu sáng) đảm bảo vận hành toà nhà.	- Quyết định 4449/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính và Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang; Giấy CNQSDĐ DO Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp; Mẫu BB bản giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/ND-CP	TMD	TMD		
36	2	XÃ VĨNH PHONG (02CS)													
125	1	Trung tâm Dân số kế hoạch hóa gia đình huyện Vĩnh Thuận (cũ)	Khu phố Vĩnh Đông 2, xã Vĩnh Phong	360,00	276,00										
										- Diện tích sàn xây dựng 276 m ² . - Diện tích sàn sử dụng 276 m ² .	Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh). Công trình muốn sử dụng phải cải tạo sửa chữa mới sử dụng được.	- GCN số CI671500 do số Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/6/20217; Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30/8/2025; Bản trích lục do VPĐKQSDĐ lập ngày 16/6/2017; Mẫu BB bản giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/ND-CP	ONT	ONT	
126	2	Bảo hiểm xã hội xã Vĩnh Phong (Cơ sở nhà, đất của BHXH cơ sở U Minh Thượng thuộc BHXH tỉnh An Giang)	Khu phố Vĩnh Đông 2, xã Vĩnh Phong Địa chỉ: Khu phố Vĩnh Đông 2, xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ Khu phố Vĩnh Đông 2, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang)	450,00	199,92		682.500.000	758.802.000	91.056.240	Nhà cấp III					
										Không có tài sản ngoài công trình và cũng không còn hệ thống thiết yếu vận hành toà nhà (như điện, nước, chiếu sáng, máy lạnh), công trình xuống cấp muốn sử dụng phải cải tạo sửa chữa	- Quyết định 4449/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính và Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh An Giang; Giấy CNQSDĐ số BI306495 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp 12/12/2014; Mẫu BB bản giao TSC theo Mẫu 02 nghị định 186/ND-CP	ONT	ONT		